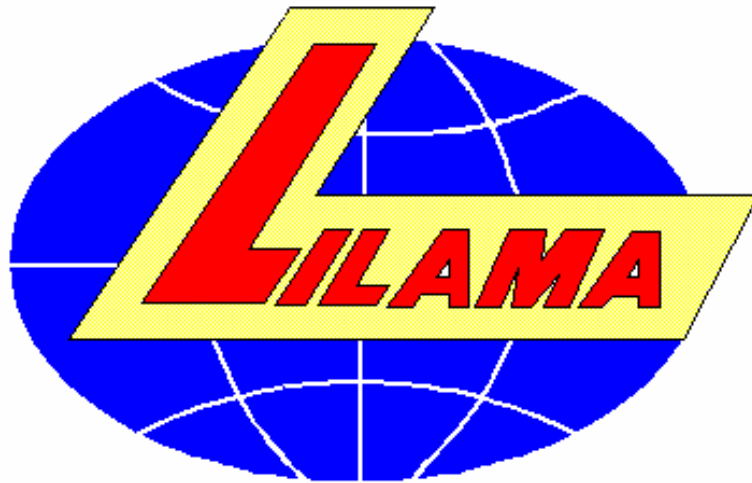


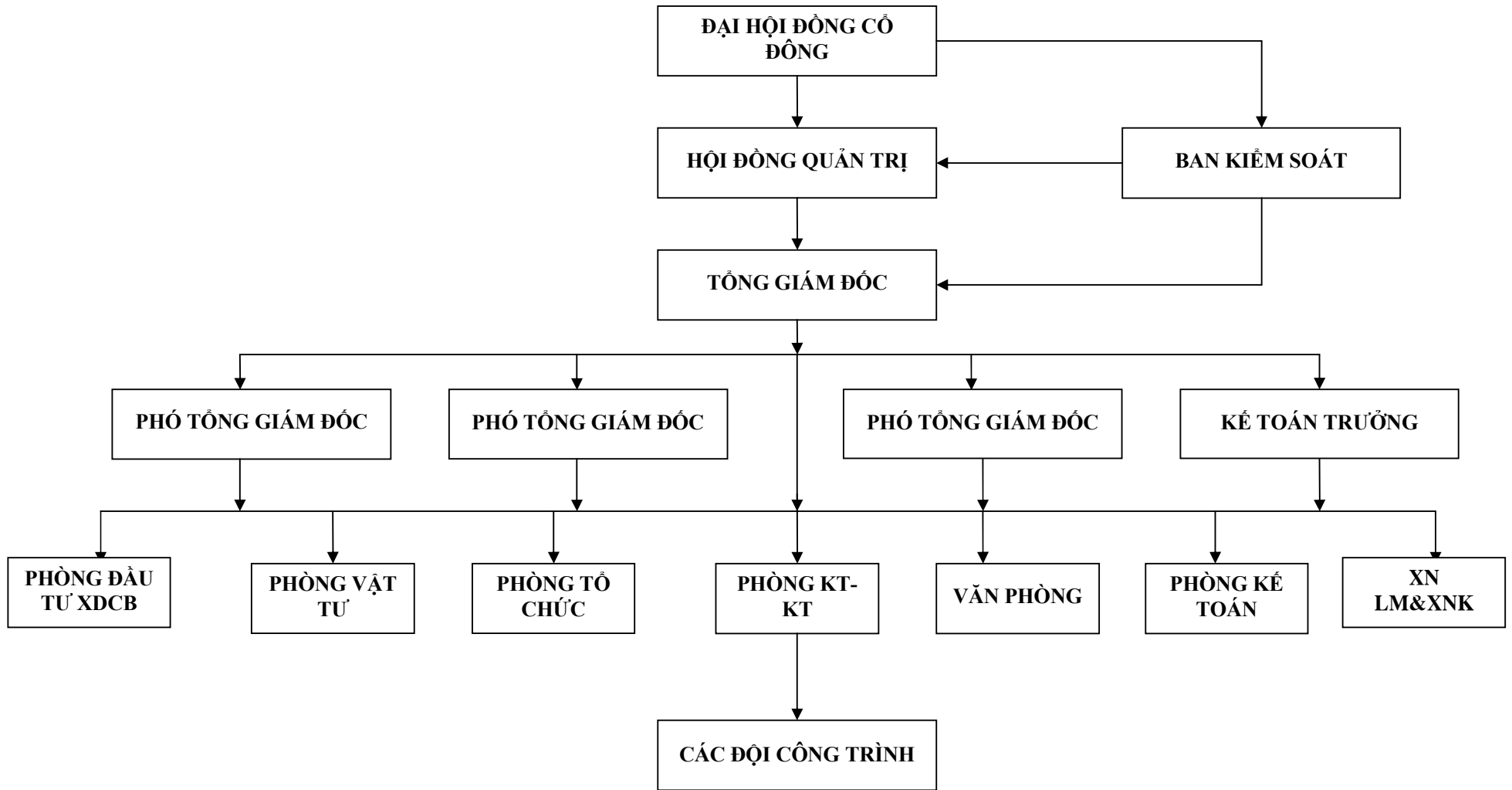
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2



LILAMA 69-2

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Hải Phòng Năm 2011



BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2010

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

I - Hoạt động của Hội đồng Quản trị:
- Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi Họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch	13	100	
2	Bà Vũ Thị Nga	Thành viên	13	100	
3	Ông Trần Xuân Trường	Thành viên	13	100	
4	Ông Lê Cao Bằng	Thành viên	12	92,3	Vắng 01 buổi họp do tại thời điểm tổ chức họp HĐQT C.ty Đ/c Lê Cao Bằng đang thực Hiện nhiệm vụ thi công công Trình phía Nam (Nhơn Trạch - Đồng Nai) không thể tham dự
5	Ông Nguyễn Sơn Hùng	Thành Viên	13	100%	

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT. Ngoài ra HĐQT còn chú trọng công tác quản lý rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hoá các quy trình, quy chế, quy định điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD và các lĩnh vực hoạt động được hài hoà cho lợi ích của Công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác, bạn hàng cũng như quyền lợi của người lao động.

Năm 2010, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát, do đó đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

1. Tiểu ban Quản trị nhân sự, nội chính, thanh tra, pháp chế, công tác Đảng, tổ chức LĐTL

- Phòng tổ chức lao động, bảo vệ có chức năng tuyên truyền hướng dẫn, giáo dục cán bộ Cán bộ công nhân viên trong Công ty về các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, quyền và nghĩa vụ của công dân.
- Chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về quy hoạch đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm cán bộ quản lý, đào tạo, tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân và nâng cao tay nghề cho công nhân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, thực hiện nội quy kỷ luật lao động tại các đơn vị, thời giờ làm việc của toàn công ty. Đảm bảo 8h trong một ngày làm việc 44h trong một tuần.
- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động và đáp ứng kịp thời hợp lý nguồn nhân lực theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, quản lý và bổ sung hồ sơ nhân sự.
- Có kế hoạch đào tạo cán bộ, tuyển dụng và đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân, đáp ứng yêu cầu chiến lược củng cố và phát triển của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo hàng tháng, quý về tổ chức nhân sự và lao động tiền lương theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ chính sách nghĩa vụ, quyền lợi đối với người lao động như: BHXH, BHYT, chế độ nghỉ ngơi hàng năm. Duyệt ký chế độ nghỉ phép hàng năm cho người lao động trừ những cán bộ do Tổng giám đốc điều hành quản lý. Ký giấy giới thiệu thông thường cho quan hệ xã hội dân sự, đảm bảo mọi hoạt động thông suốt của công ty và tự chịu trách nhiệm hậu quả khi đã ký.
- Duy trì thường xuyên và thực hiện kịp thời công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, khuyến khích thợ giỏi, cán bộ giỏi, những người có tâm huyết với công ty.
- Quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, với dân, với cấp trên để tạo mối quan hệ làm việc thuận lợi, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ toàn diện của Công ty.
- Bảo vệ tài sản an toàn của công ty trong khu cơ quan, khu nhà xưởng, các công trình công cộng. Đảm bảo trật tự an ninh chính trị nội bộ, xã hội nơi Công ty tham gia đóng quân và kinh doanh sản xuất. Đảm bảo sự đoàn kết trong cơ quan, trong các phòng ban nghiệp vụ, giải quyết kịp thời khi có phát sinh trong đời sống xã hội.
- Chỉ đạo việc lập kế hoạch thực hiện công tác huấn luyện tự vệ quân sự hàng năm theo hướng dẫn của Ban chỉ huy quân sự quận và Thành phố.
- Chỉ đạo việc phòng chống bão lụt, lập các phương án cứu trợ kịp thời khi có thiên tai
- Đảm nhận việc ghi chép thư ký của các cuộc họp giao ban và các cuộc họp điều hành sản xuất thường kỳ.

2. Tiểu ban Tài chính - Kế toán:

- Giúp Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ chính sách tài chính, chế độ kế toán của Nhà nước, việc bảo vệ tài sản; vật tư tiền vốn và quản lý vốn nhà nước và vốn góp của các cổ đông.
- Giúp Tổng giám đốc trong công tác hạch toán kế toán. Thu thập xử lý thông tin số liệu kế toán và tính toán ghi chép toàn bộ đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong doanh nghiệp theo các chuẩn mực kế toán và luật kế toán hiện hành.

- Giúp Tổng giám đốc phân tích quản trị tài chính và hiệu quả SXKD cung cấp các thông tin kinh tế cho Tổng giám đốc để Tổng giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng luật doanh nghiệp.
- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về lĩnh vực tài chính kế toán của Công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch khấu hao tài sản cố định, kế hoạch thu chi bằng tiền.
- Tham gia cùng các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác trong Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch quỹ lương.....Chủ động tính toán việc thực hiện nộp nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, kết hợp với các phòng ban trong Công ty tính toán các khoản trích nộp BHXH + BHYT kinh phí công đoàn theo quy định của luật doanh nghiệp hiện hành.
- Thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền công lao động cho người lao động đúng chế độ Nhà nước, qui chế của Công ty và thanh toán đúng thời gian, kỳ hạn.
- Tổ chức toàn bộ công tác kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty và các qui định của luật pháp bao gồm :
 - Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu đảm bảo mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh phản ánh trong kế toán phải khách quan đúng thực tế, được ghi chép đầy đủ theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán qui định hiện hành.
 - Tổ chức áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo qui định. Xác định, lựa chọn áp dụng hình thức kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán phù hợp với đặc điểm loại hình của doanh nghiệp.
 - Tổ chức lựa chọn các sổ kế toán chi tiết và hệ thống sổ kế toán phù hợp với hình thức kế toán Công ty áp dụng.
 - Lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán chi tiết và tổ chức bộ máy kế toán phù hợp tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Tổ chức trang bị và ứng dụng kỹ thuật tính toán và thông tin hiện đại trong công tác kế toán.
 - Tổ chức hạch toán chính xác, kịp thời, có hệ thống số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, tính toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, các khoản thanh toán với ngân sách và các khoản thanh toán khác của doanh nghiệp theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán qui định.
 - Tổ chức hạch toán xác định chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả lãi, lỗ và lợi tức của các nhà đầu tư tài chính vào Công ty.
 - Thu thập tổng hợp số liệu, tài liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lập các báo cáo kế toán tài chính, thống kê và cung cấp các thông tin tài liệu tài chính kế toán cho các đơn vị, cá nhân theo luật định và điều lệ Công ty. Thực hiện phân tích hoạt động kinh tế tài chính và thông tin kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp.
 - Phối hợp với các phòng ban trong công tác thu hồi vốn, thu hồi vật tư ở các công trình hoàn thành thi công.
 - Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu - chi tài chính, kỷ luật thu nộp, thanh toán, chế độ quản lý kinh tế - tài chính tại doanh nghiệp.
 - Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ và tư vấn cho Tổng giám đốc và HĐQT về thuế kiểm toán độc lập khi có yêu cầu phải kiểm toán.

- Lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị và đại hội cổ đông các phương án trích lập quỹ, phân chia cổ tức, thực hiện kịp thời việc chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy chế tài chính theo quyết định của HĐQT và đại hội cổ đông Công ty.

3. Tiểu ban Vật tư - Thiết Bị:

- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về quản lý, cung cấp vật tư phục vụ các công trình thi công của Công ty, tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.

- Dựa vào hợp đồng kinh tế và yêu cầu của khách hàng, phòng lập kế hoạch tiếp nhận hoặc khai thác thị trường, cung cấp nhanh đủ, kịp thời đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng và chịu trách nhiệm về giá cả với Tổng giám đốc Công ty.

- Quản lý theo dõi công tác xuất, nhập khẩu hàng hoá theo quy chế của Công ty, chế độ chính sách của Nhà nước.

- Tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.

- Dựa vào hợp đồng kinh tế và yêu cầu của khách hàng, Phòng vật tư thiết bị lập kế hoạch tiếp nhận hoặc khai thác thị trường cung cấp nhanh, đủ, kịp thời đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và chịu trách nhiệm về giá cả với Tổng giám đốc Công ty.

- Cấp phát vật tư theo kế hoạch dự trù đã được Tổng giám đốc duyệt, đảm bảo số lượng, chất lượng, hoá đơn chứng từ xuất, nhập phải rõ ràng, chính xác. Lập thẻ kho cập nhập theo dõi hàng ngày.

- Hàng hoá, vật tư, thiết bị, phương tiện lưu trong kho bãi được sắp xếp hợp lý, bảo quản an toàn, dễ lấy, có đánh dấu hoặc dán nhãn mác để nhận biết.

Nếu ở kho bãi ngoài trời hoặc ở hiện trường thi công thì phải kết hợp với bảo vệ để ghi vào sổ trực giao ca.

- Những loại vật tư hoặc sản phẩm kém chất lượng phải có nhãn mác, có dấu hiệu và biển báo kèm theo biên bản tình trạng hư hỏng vật tư, sản phẩm đó.

- Mở sổ theo dõi các đơn vị thuê, mượn dụng cụ, máy móc, quyết toán vật tư để có cơ sở thanh quyết toán công trình, hạch toán giá thành, khấu hao tài sản.

- Kết hợp với các phòng ban chức năng kiểm kê đánh giá chất lượng tài sản của Công ty theo kế hoạch định kỳ.

- Tập hợp các văn bản chính sách của Đảng, Nhà nước về xuất nhập khẩu hàng hoá. Hoàn thiện các chứng từ, thủ tục, hoá đơn, thuế v.v... phục vụ việc xuất, nhập khẩu hàng hoá của Công ty. Khai thác thị trường phục vụ cho việc xuất, nhập khẩu.

4. Tiểu ban Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật:

Tham mưu giúp Tổng giám đốc những phần việc sau:

- Lập kế hoạch và báo cáo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty từng thời kỳ (quý, năm...), lập các luận chứng kinh tế kỹ thuật. Lập kế hoạch đầu tư phát triển, mở rộng và đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hàng tháng đôn đốc các đơn vị sản xuất báo cáo khối lượng và kế hoạch thi công làm cơ sở báo cáo Tổng công ty.
- Quan hệ khai thác khách hàng để mở rộng thị trường.
- Nắm bắt nhu cầu của thị trường, bóc tiền lượng, lập dự toán, biện pháp tổ chức thi công,...lập Hồ sơ dự thầu, chào giá đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Thương thảo và lập hợp đồng kinh tế với các đối tác đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ theo pháp luật hiện hành.
- Tổ chức duyệt biện pháp thi công của các đơn vị sản xuất.
- Lập dự toán nội bộ để giao khoán cho các đơn vị sản xuất (theo quy chế khoán), đảm bảo đúng đủ giá khoán cho đơn vị sản xuất. Hàng tháng theo dõi cân đối tiền lương tại các đơn vị nhận khoán, kết hợp với các phòng ban liên quan hạch toán kinh tế các công trình để nắm bắt được hiệu quả SXKD.
- Đáp ứng kịp thời và sử dụng hiệu quả phương tiện dụng cụ xe máy thi công, có kế hoạch khắc phục sửa chữa và bảo dưỡng kịp thời dụng cụ trang thiết bị, cập nhật, theo dõi nhật trình hoạt động đầy đủ chính xác. Kết hợp với phòng Tài chính - Kế toán theo dõi sổ sách và đánh giá chất lượng tài sản một cách chính xác, thực hiện kiểm định theo luật đăng kiểm và kiểm kê định kỳ theo chế độ của Nhà Nước.
- Giám sát việc thi công tại các đơn vị, các công trình, có biện pháp cụ thể hỗ trợ các đơn vị thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.
- Theo dõi các đơn vị lập các biểu khối lượng hoàn thành hàng tháng và theo giai đoạn quy định trong hợp đồng. Lập hồ sơ nghiệm thu, bàn giao, thanh lý hợp đồng và quản lý lưu trữ.
- Định kỳ kiểm kê khối lượng dở dang.
- Đề xuất hội thảo về khoa học kỹ thuật, về các đề tài mới, các dự án mới và phổ biến các văn bản tổng kết kinh nghiệm ở các công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp và chất lượng cao.
- Lập các biên bản sai phạm kỹ thuật, biên bản các sản phẩm không đạt chất lượng để có biện pháp cải tiến, khắc phục và phòng ngừa.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ thường xuyên được đề phòng và giám sát nhắc nhở kịp thời. Tổ chức học tập quy trình, quy phạm an toàn lao động từng bước được duy trì thường xuyên định kỳ.
- Các chế độ bảo hộ lao động (BHLĐ) được thực hiện nghiêm túc (quần, áo, mũ, kính bảo hộ, găng tay, quần áo thợ hàn...) cải thiện môi trường làm việc, lập biên bản các vụ vi phạm về an toàn và vệ sinh lao động.
- Kết hợp với Phòng tổ chức, Phòng đào tạo Tổng công ty để thực hiện việc tổ chức thi nâng bậc cho công nhân các loại thợ hàng năm.

5. Tiểu ban hành chính:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty về công tác đối nội, đối ngoại trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.
- Tham mưu, giúp việc Tổng giám đốc về lễ nghi khánh tiết, hội nghị và các buổi họp giao ban của Công ty, tổng hợp báo cáo thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng, hàng năm và đại hội cổ đông.
- Quản lý con dấu, lưu trữ tài liệu công văn đi, đến, sao trích lục các văn bản tài liệu pháp qui của Nhà nước, cấp trên theo luật định.
- Văn phòng có nhiệm vụ đón tiếp khách đến làm việc tại Công ty bao gồm: Cấp trên, các Ban ngành địa phương, các bạn hàng, báo chí và báo cáo để Tổng giám đốc bố trí làm việc.
- Có nhiệm vụ lập báo cáo tổng hợp mọi hoạt động của Công ty trình Tổng giám đốc duyệt gửi Hội đồng quản trị. Chuẩn bị tài liệu phục vụ kỳ họp HĐQT và Đại hội cổ đông thường niên.
- Có nhiệm vụ quản lý chặt chẽ con dấu, lưu trữ đầy đủ các loại Công văn đi, đến theo đúng qui định. Thường xuyên kiểm tra nếu thấy có nghi vấn báo cáo Tổng giám đốc kịp thời giải quyết. Ký sao các văn bản pháp qui, trích lục văn bản hướng dẫn, các tài liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, giấy giới thiệu, công tác, khám sức khỏe cho CBCNV, các loại công văn thuộc phạm vi liên quan theo quyền hạn của Văn phòng.
- Lập kế hoạch dự trù văn phòng phẩm, các trang thiết bị khi cần thiết trình Tổng giám đốc duyệt và mua sắm, cấp phát kịp thời toàn bộ thiết bị, văn phòng phẩm hàng tháng, quý... phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý toàn bộ trang thiết bị văn phòng.
- Phân công và bố trí điều hành xe con do Văn Phòng quản lý phù hợp, kịp thời phục vụ chỉ đạo thi công và công tác của các phòng ban. Quản lý toàn bộ tài sản khu cơ quan Công ty.
- Công tác Y tế: Giải quyết công ốm cho cán bộ công nhân viên, liên hệ với Trung tâm y tế địa phương để khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Khám sức khỏe trèo cao cho công nhân các công trình; tham gia kiểm tra An toàn vệ sinh công nghiệp tại các công trình. Thường xuyên kiểm tra công tác vệ sinh khu cơ quan, đề xuất sửa chữa thay thế kịp thời khi các thiết bị bị hư hỏng, vệ sinh khu vực cơ quan hàng ngày.

Chăm lo phục vụ chu đáo ăn ca cho khối Văn phòng. Theo dõi việc sử dụng điện, nước sản xuất và sinh hoạt khu cơ quan và đội xe máy, các tài liệu qua Fax, điện thoại ... và làm thủ tục thanh toán các chi phí đó.

6. Tiểu ban Đầu tư xây dựng cơ bản:

- Nhiệm vụ: Nghiên cứu, hoạch định và quản lý các dự án đầu tư của Công ty.

7. Tiểu ban phụ trách lĩnh vực thi công:

- Nhiệm vụ: Trực tiếp chỉ đạo, quản lý điều hành công tác thi công tại các công trình do Tổng giám đốc giao khoán.

II- Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/BB-HĐQT/2010	23/02/2010	- Tổng kết hoạt động SXKD năm 2009, tình hình đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị.
2	04/NQ-HĐQT/2010	25/02/2010	- Thông qua báo cáo KQ SXKD năm 2010; - Thông qua các dự án đầu tư mới trong năm 2010; - Thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Báo cáo việc chi trả cổ tức năm 2009; - Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát 2009; - Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2009.
3	17/BB-HĐQT/2010	18/03/2010	- Họp bàn về việc vay vốn Ngân hàng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
4	23/BB-HĐQT/2010	09/07/2010	- Họp bàn phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2010
5	34/NQ-HĐQT/2010	17/08/2010	- Nghị quyết HĐQT về việc chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2010.
6	41/BB-HĐQT/2010	25/10/2010	- Họp Hội đồng Quản trị về việc xét nâng lương cho cán bộ
7	54/BB-HĐQT/2010	25/12/2010	- Tổng kết kết quả SXKD năm 2010

III - Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị: Không

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

- Giao dịch cổ phiếu:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 15/03/2010		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/01/2011		Lý do tăng, giảm (mua, bán, Chao đổi, thưởng..)
1	Ông: Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc C.ty	320.000	7,14%	480.000	10,71%	Mua thêm
2	Bà: Vũ Thị Nga	Thành viên HĐQT;	50.000	1,12%	60.000	1,34%	Mua thêm

		Kế toán trưởng					
3	Ông: Trần Xuân Trường	Thành viên HĐQT; Phó tổng GD C.ty	32.940	0,74%	99.410	22,2%	Mua thêm
4	Ông: Lê Cao Bằng	Thành viên HĐQT; Phó tổng GD C.ty	60.000	1,34%	40.000	0,89%	Bán
5	Ông: Nguyễn Sơn Hùng	Thành viên HĐQT; Phó tổng GD C.ty	23.550	0,53%	35.325	0,79%	Mua thêm
6	Ông: Nguyễn Giám Hiệu	Phó tổng giám đốc Công ty	61.050	1,36%	62.975	1,41%	Mua thêm
7	Ông: Nguyễn Hữu Hoá	Phó tổng giám đốc Công ty	40.000	0,89%	60.000	1,34%	Mua thêm
8	Bà: Lê Thị Minh	Thành viên Ban KS	1.100	0,02%	3.400	0,08%	Mua thêm
9	Ông: Đỗ Trường Giang	Thành viên Ban KS	0		1.000	0,02%	Mua thêm
10	Bà: Vũ Thị Phượng	Vợ của chủ tịch HĐQT	0		33.000	0,74%	Mua thêm
11	Bà: Nguyễn Thị Dung	Vợ của Phó tổng giám đốc	955	0,02%	1.432	0,03%	Mua thêm
12	Ông: Nguyễn Văn Vinh	Chồng của thành viên ban K.soát	2.500	0,06%	500	0,01%	Bán
13	Bà: Phạm Thị Thu Hằng	Vợ của thành viên HĐQT; Phó TGD Công ty	71.500	1,60%	57.250	1,28%	Bán

V. Các Vấn đề cần lưu ý khác: Không

CT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên, đóng dấu)

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1 Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập ngày 01 tháng 12 năm 1960 trụ sở Công ty đặt tại 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

Ngày 02 tháng 11 năm 2004 căn cứ vào Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng 69-2 thành Công ty cổ phần. Công ty Cổ phần 69-2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001155 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2004 với số vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng. Trong đó vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 4.515.200.000 đồng (chiếm 50,17%) và phần góp vốn của các cổ đông là : 4.484.800.000 đồng (chiếm 49,83%).

Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty kiểm toán và tư vấn (ACA Group), đến ngày 30/06/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 69-2 đã tăng lên 30.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 50,17%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ hai do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 11 tháng 06 năm 2007.

Ngày 26/03/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 112/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 69-2. Ngày 21/04/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (L62) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo nghị quyết số 37/NQĐHCD ngày 18 tháng 9 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 45.000.000.000 đồng.

Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (ACA Group), đến ngày 31/12/2009 vốn đầu tư của Công ty cổ phần Lilama 69-2 đã tăng lên 44.808.610.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 50,38%).

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCD/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và giấy chứng nhận số 767/UBCK-GCN của UBCK Nhà nước ngày 28/12/2010. Năm 2011 Công ty sẽ phát hành tăng vốn điều lệ từ 44.808.610.000 đồng lên 60.491.620.000 đồng theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1/0.35 (mỗi cổ phiếu hiện hữu được mua thêm 0.35 cổ phiếu mới với giá 12.000đ)

2 Quá trình phát triển

+ **Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty:**

- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế đến 220KV.
- Xây dựng nhà ở, trang trí nội thất, kinh doanh bất động sản.
- Chế tạo thiết bị, thiết bị phi tiêu chuẩn, sản xuất kết cấu thép, chế tạo bình, bể chịu áp lực, bồn bể chứa xăng dầu, sơn, mạ thiết bị kết cấu thép.
- Lắp đặt thiết bị dây chuyền công nghệ, lắp đặt điện nước, thông gió, điều hòa các công trình công nghiệp và dân dụng.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng.

+ Tình hình hoạt động

Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành Công ty đã tham gia thi công xây dựng và lắp đặt hàng nghìn công trình, nhà máy như: Nhà máy sắt tráng men nhôm; Nhà máy cá hộp Hạ Long; Nhà máy lạnh Việt-Bun; Nhà máy lạnh bến Bính; Nhà máy đông lạnh Vĩnh Niệm; Nhà máy dao kéo Ba Lan; Công trình xăng dầu khu vực III; Nhà máy nước An Dương; Xí nghiệp dược phẩm III; Bệnh viện Việt-Tiếp Hải Phòng; Bệnh viện nhi Đức; Bệnh viện phụ sản Hải Phòng; Nhà máy xi măng Chinfon; công trình CALTEX Đình Vũ; Lắp máy Dieren đảo Bạch Long Vỹ; chế tạo lắp dựng cột phát sóng đài truyền hình Hải Phòng; thiết kế chế tạo gầm cầu trục Cửu Long; lắp thiết bị trạm điện 220KV Lê Chân - An Lạc;... Ngoài những công trình nhà máy kể trên Công ty còn tham gia lắp đặt và xây dựng nhiều công trình, nhà máy xa trụ sở làm việc như: Công trình xi măng Hoàng Thạch; nhà máy nhiệt điện Phả Lại I, Phả Lại II Hải Dương; nhà máy kính nổi Đáp Cầu Bắc Ninh; nhà máy HONDA Vĩnh Phúc; nhà máy đường Cao Bằng; nhà máy xi măng Nghi Sơn Thanh Hoá; nhà máy xi măng Hoàng Mai Nghệ An; nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ Thái Nguyên; nhà máy thép Việt - Ý Hưng Yên; nhà máy xi măng Sao Mai Hà Tiên Kiên Giang; nhà máy dầu thực vật Cái Lân Quảng Ninh; nhà máy nhiệt điện Uông Bí Quảng Ninh; chế tạo và lắp đặt lọc bụi tĩnh điện công trình FOMOSA khu công nghiệp Nhơn Trạch Đồng Nai; công trình lắp đặt đường ống dẫn dầu Liên Chiểu Đà Nẵng; công trình lắp đặt thiết bị nhà máy xi măng Hải phòng mới, chế tạo và lắp đặt hệ thống ống tuần hoàn, nhà khử clo nhà máy nhiệt điện Uông Bí mở rộng, lắp đặt thiết bị nhà máy đúc Tân Long Hải Phòng, chế tạo lắp đặt thiết bị công trình nghiền xi măng Hiệp Phước thành phố Hồ Chí Minh, chế tạo và lắp đặt cần trục tại các Cảng Nghệ Tĩnh, Đình Vũ, dự án xi măng Cẩm Phả, dự án DAP Đình Vũ và đặc biệt Công ty đã chế tạo thiết bị bên trong lọc bụi tĩnh điện công suất 800 MW xuất khẩu sang MALAYXIA, INĐÔNÊXIA, Nhật Bản. Đây là sản phẩm lần đầu tiên được chế tạo tại Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài.

Hiện nay, Công ty đang triển khai thi công lắp đặt, chế tạo và lắp đặt thiết bị Nhà máy xi măng ChinFon, gia công lắp đặt cơ khí thủy công công trình thủy điện Sơn La, lắp đặt thiết bị cho Công ty TNHH GE Việt Nam tại Hải Phòng, chế tạo và lắp đặt thiết bị Nhà máy xi măng Hương Sơn, chế tạo và lắp đặt thiết bị Nhà máy xi măng Trung Sơn, gia công lắp đặt thiết bị cho nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng, chế tạo và lắp đặt thiết bị Nhà máy xi măng Mai Sơn – Sơn La, lắp đặt nhà máy nhiệt điện II ở Fomosa Đồng Nai ...

Cùng với sự đoàn kết nhất trí cao trong ban lãnh đạo Công ty, sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV trong Công ty, sự tin tưởng và yên tâm công tác trong công nhân lao động, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể ... Công ty đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch, sản xuất kinh doanh, hàng năm đều tăng trưởng được Bộ Xây dựng và các cấp, các ngành tặng thưởng nhiều phần thưởng trong những năm qua, cụ thể từ năm 2000-2010 như sau:

- Năm 2000 được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng III vì đã có nhiều thành tích trong thời kỳ đổi mới 1995-1999.
- Năm 2001 Công ty được bộ Xây dựng và Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng tặng Bằng khen, đơn vị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch được giao, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, xây dựng thành phố Hải Phòng thực hiện tốt năm “*kỷ cương, hiệu quả*” .
- Năm 2002 Công ty được Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng Bằng công nhận đơn vị có đời sống văn hóa cơ sở tốt số 943/QĐKT-TLĐ ngày 21/6/2002.
- Năm 2004 Công ty được Liên đoàn lao động thành phố Hải Phòng tặng cờ đơn vị xuất sắc trong giải quyết việc làm, đời sống, thực hiện dân chủ và chính sách xã hội số 03/QĐKT-BTV ngày 4/01/2005.
- Năm 2005 Công ty được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001 - 2005 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Năm 2005 Công ty được Bộ thương mại khen thưởng thành tích xuất khẩu mặt hàng mới, thị trường mới với số tiền thưởng là 190 triệu đồng.

Ngoài ra Công ty còn được các cấp, các ngành, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tặng nhiều danh hiệu thi đua khác như: Đạt cúp vàng vì sự tiến bộ xã hội và phát triển bền vững do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và trung tâm văn hóa danh nhân Việt Nam tặng ngày 13/7/2005.

- Năm 2006 Công ty được Liên đoàn Lao động thành phố Hải Phòng tặng cờ “Đơn vị xuất sắc trong giải quyết việc làm, đời sống, thực hiện dân chủ và chính sách xã hội” số 02/QĐ-LĐLĐ ngày 08/01/2007.
- Năm 2006 Công ty được Bộ xây dựng tặng bằng khen vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2006.
- Năm 2007 Công ty được Bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ tặng cúp vàng ISO – chia khoá hội nhập theo quyết định số 1825/QĐ-BKHCN ngày 4/9/2007.
- Ngày 23/4/2007 Công ty được Tổng Cục thuế tặng bằng khen “Chấp hành tốt chính sách thuế”.
- Nhiều năm liền Công ty được Ngân hàng đầu tư và phát triển xếp hạng cho vay ở hạng 3A.
- Năm 2009 Công ty được cấp giấy chứng nhận đạt giải thưởng Cúp vàng mã chứng khoán uy tín Việt Nam và Công ty được vinh danh là khách hàng vàng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.
- Năm 2010 chao giải “Nhà quản lý giỏi khu vực Châu Á được chao tại Việt Nam lần thứ nhất”

3 Định hướng phát triển:

Xây dựng Công ty đáp ứng mục tiêu phát triển theo định hướng của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), trong đó có định hướng Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình lớn ở trong nước và khu vực, tiếp tục phát triển sản phẩm các thiết bị bên trong lọc bụi tĩnh điện. Đồng thời đáp ứng mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh không ngừng phát triển, năm sau cao hơn năm trước, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty.

Phát huy các thị trường truyền thống và tích cực mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư mới để đảm bảo việc làm cho toàn bộ CBCNV.

Huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các dự án đầu tư theo đúng tiến độ và đưa các hạng mục hoàn thành vào khai thác.

Tuyển dụng và đào tạo nhân sự đảm bảo đủ về số lượng và trình độ đáp ứng yêu cầu của công việc.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010

- Doanh thu của Công ty năm 2010 là 157.750.087.160 đồng, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2010 là 13.333.029.992 đồng.

- Với kết quả đạt được trong năm 2010, có thể nói HĐQT Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2010 kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung trong đã và đang bị ảnh hưởng bởi suy thoái, nền kinh tế trong nước đang gặp rất nhiều khó khăn. Công ty CP LILAMA là một đơn vị xây lắp nên công việc phụ thuộc nhiều vào các Chủ đầu tư và tiến độ giải ngân của các dự án do đó sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng không nhỏ. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và bằng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty CP LILAMA 69-2 vẫn duy trì là một đơn vị trong tốp đầu của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Năm 2010 là năm thị trường có nhiều biến động với rất nhiều khó khăn song với những quyết sách đúng đắn, kịp thời của Ban lãnh đạo Công ty; đội ngũ Cán bộ, kỹ sư, Công nhân có năng lực, tay nghề giỏi, hệ thống máy móc thiết bị được đầu tư khá đồng bộ kết hợp với tinh thần đoàn kết, nhất trí cao trong tập thể Lãnh đạo và người lao động nên Công ty vẫn đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho CBCNV trong Công ty.

DVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ % so kế hoạch
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	450.000	534.000	119%
2	Tổng doanh thu	188.000	157.750	84%
3	Lợi nhuận trước thuế	12.000	13.333	111%
4	Nộp ngân sách	6.700	7.767	116%
5	Tiền lương BQ (người/tháng) <i>DVT: đồng</i>	3.300.000	3.537.644	107%
6	Dự kiến cổ tức (%)	16	16	100%

- Công ty tiếp tục triển khai thi công mới và chuyển tiếp một số công trình: lắp đặt cơ khí thủy công công trình thủy điện Sơn La, chế tạo lắp đặt thiết bị nhà máy xi măng Mai Sơn - SơnLa, chế tạo và lắp đặt thiết bị nhà máy xi măng Chin Fon, gia công chế tạo lắp đặt thiết bị nhà máy xi măng Hương Sơn - Bắc Giang, gia công chế tạo lắp đặt thiết bị nhà máy xi măng Trung Sơn – Hoà Bình, gia công lắp đặt thiết bị lọc bụi cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng,....

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCĐ/2010 ngày 07/04/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và giấy chứng nhận số 767/UBCK-GCN của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 28/12/2010. Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 44.808.610.000 đồng lên 60.491.620.000 đồng với tỷ lệ là 1/0.35 (mỗi cổ phiếu hiện hữu được mua thêm 0.35 cổ phiếu mới với giá mua 12.000đ). Kết quả của việc tăng vốn điều lệ: ngày 28 tháng 12 năm 2010 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; Tổng số cổ phiếu chào bán là 1.568.301 cổ phiếu, ngày 14/03/2011 kết thúc đợt chào bán với số lượng chào bán thành công là 1.171.924 cổ phiếu tương ứng với 14.063.464.000 đồng đạt 74,73 %. Số cổ phiếu còn lại chưa phát hành là 396.377 cổ phiếu. Đối với số cổ phiếu còn lại chưa phát hành Công ty đã thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 được tổ chức vào ngày 08/04/2011 với phương thức phân phối cụ thể:
 - + Phân phối cho đối tác chiến lược, Ban lãnh đạo trong Công ty cổ phần Lilama 69-2, cán bộ công nhân viên trong Công ty.
 - Ngày 25/03/2011 UBCK đã có quyết định số: 270/QĐ-UBCK cho phép gia hạn giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 767/UBCK-GCN cho Công ty cổ phần Lilama 69-2 đến ngày: 27/04/2011.
- Trong năm 2010 chi trả cổ tức đợt II năm 2009 cho các cổ đông với mức 6%; đợt I năm 2010 với mức 10%.
- Dự án xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện trong năm 2010 đã giải ngân được 38,421 tỷ đồng, lũy kế đến hết năm 2010 là 63,148 tỷ đồng đạt 90,21% tổng mức đầu tư.
- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công: Trong năm 2010 Công ty đã giải ngân mua sắm máy móc thiết bị là: 6,76 tỷ đồng

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Tiếp tục giữ vững vị thế là Doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy (Chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác...), chế tạo lọc bụi tĩnh điện xuất khẩu là thế mạnh của Công ty, Công ty sẽ tiếp tục xuất khẩu sang các nước trong khu vực và mở rộng thị trường sang Châu Âu.
- Trong năm 2010 công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2011	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	triệu đồng	670.000	
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	197.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	13.200	

4	Tiền lương BQ (người/tháng)	triệu đồng	3,7	
5	Dự kiến cô tức	%	18	

- Tiếp tục đầu tư vào dự án Nhà máy chế tạo thiết bị năm 2011 là 18,21 tỷ. Trong năm 2011 sẽ và đưa vào khai thác và sử dụng.

- Tình hình góp vốn vào HTX vật liệu xây dựng Sơn Dương: Công ty không thực hiện dự án tính đến 31/12/2010 và Đại hội quyết định không đầu tư dự án này do khu mỏ đá của HTX bị thu hẹp và bị rút ngắn thời hạn cấp phép khai thác.

- Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2010 chuyển tiếp sang năm 2011 là 7 tỷ đồng.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		35,75	31,30
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		64,25	68,70
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		72,55	63,55
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		27,45	36,45
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,12	0,17
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,19	1,40
4	Khả năng sinh lời	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		3,54	4,89
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		6,34	7,41
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		12,89	13,42
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		22,34	22,89

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là 1,19 lớn hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 6,34%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 12,89 %, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 22,34 % thấp hơn so với năm 2009 là do năm 2009 Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp chuyển đổi từ Công ty thuộc 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần hoá (giảm 50%). Đến năm 2010 Công ty đã hết thời gian ưu đãi lên phải nộp 100% thuế thu nhập doanh nghiệp do đó một số chỉ tiêu tài chính giảm so với năm 2009.

Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 là:

Tại thời điểm 31/12/2010 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{76.127.134.036}{4.480.861} = 16.989 \text{ đồng/CP}$$

- Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp: Không có
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: Tổng số 4.480.861 cổ phiếu phổ thông.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 4.480.861 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
- Cổ tức năm 2010 : 16% /năm

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động SXKD năm 2010.

Trong năm 2010 Công ty đã hoàn thành vượt mức giá trị sản lượng và lợi nhuận, cổ tức vẫn đạt ở mức cao. Điều này cho thấy đã phát huy được các ưu điểm của mô hình công ty cổ phần như: Công ty được chủ động trong quyết định đầu tư, tổ chức sản xuất, sự gắn bó của CBCNV đồng thời là cổ đông đối với các hoạt động của Công ty mật thiết hơn, tinh thần trách nhiệm cao hơn. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 đạt được so với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và năm 2009 như sau:

DVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2009

1	Giá trị sản xuất kinh doanh	450.000	534.000	118,7	136,1
2	Tổng doanh thu	188.000	157.750	83,9	114,0
3	Lợi nhuận trước thuế	12.000	13.333	111,1	111,4
4	Nộp ngân sách	6.700	7.767	115,9	95,0
5	Tiền lương BQ (người/tháng) (ĐVT: đồng)	3.500.000	3.537.644	115,9	111,6
6	Dự kiến cổ tức (%)	16	16	100	100

Doanh thu thuần năm 2010 đạt 157.750.087.160 đồng so với doanh thu thuần năm 2009 là 138.319.328.394 đồng tăng 19.430.758.766 đồng tương ứng 14,05%, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 13.333.029.992 đồng tăng 11,37% so với năm 2009 tỷ lệ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều đạt trên 10%. Như vậy Công ty đã và đang trên đà phát triển tốt.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

*** Thuận lợi**

+ Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, các cơ quan chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng và các địa phương nơi công ty thi công.

+ Sau khi cổ phần hoá Hội đồng quản trị đã cùng Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty đoàn kết nhất trí cao, quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, bàn bạc thống nhất chọn những bước đi thích hợp sáng tạo do đó kết quả sản xuất kinh doanh không ngừng tăng trưởng.

+ Ban lãnh đạo Công ty tích cực tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng có giá trị kinh tế cao.

+ Năm 2011 Công ty tiếp tục thương thảo ký kết hợp đồng chế tạo thiết bị lọc bụi xuất khẩu ra nước ngoài.

*** Khó khăn**

- Năm 2010 tình hình kinh tế thế giới trong nước có nhiều biến động lớn, do lạm phát tăng cao giá một số mặt hàng phục vụ cho ngành cơ khí tăng cao đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của công ty.

- Năm 2010 Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng Nhà máy gia công chế tạo thiết bị, tổng mức đầu tư 70 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư gồm vốn tự có, và vốn vay ngân hàng. Năm 2010 là năm lãi suất Ngân hàng tăng cao do vậy Công ty phải chịu lãi suất từ các khoản vay đầu tư rất cao cụ thể năm 2010 chi phí lãi vay 7.859.207.728 đồng.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý, nâng cao thiết bị công nghệ, đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị nâng cao năng lực của Công ty.

- Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị và cán bộ công nhân viên và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

- Kịp thời điều chỉnh tiền lương cho CBCNV theo mức lương tối thiểu mới do nhà nước quy định, điều chỉnh tiền lương theo kết quả SXKD, tăng mức ăn ca, thu nhập, tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả cao.

- Cơ cấu, cân đối lại vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.

- Các biện pháp kiểm soát.

- Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.

- Phòng Tổ chức lao động giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)

- Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- Phòng Quản lý máy giám sát quá trình sử dụng xe, cầu, máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiết kiệm chi phí và an toàn.

- Phòng vật tư giám sát giá mua, cung cấp vật tư cho các đội công trình, những vật tư có giá trị lớn phải đứng ra làm thủ tục mua.

- Phòng tài chính kế toán kiểm soát quá trình ứng và thanh toán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

- Tiếp tục tuyển dụng thêm 150 - 200 lao động trong đó 10 đến 15 người là kỹ sư, cử nhân kinh tế phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Xét tuyển lực lượng lao động đã được đào tạo từ các trường của LILAMA và Bộ lao động thương binh xã hội, tuyển lựa từ số công nhân lao động tạm thời có tay nghề và tâm huyết với Công ty để ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn là 100 người.

- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Cơ cấu lại nguồn vốn kinh doanh của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.

- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV, tổ chức cho CBCNV đi tham quan, học hỏi ở trong nước và nước ngoài...

IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Báo cáo kiểm toán kèm theo).

Mẫu số: B01a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (GỘP: CÔNG TY + XÍ NGHIỆP) SAU KIỂM TOÁN ACA GROUP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	5	4
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		181.722.235.130	144.035.240.824
I. Tiền và các khoản tong đơng tiền	110		18.032.267.377	17.586.851.057
1. Tiền	111	V.01	18.032.267.377	17.586.851.057
2. Các khoản tong đơng tiền	112	1		-
II. Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu t ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu t ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.858.937.333	91.360.598.728
1. Phải thu của khách hàng	131		108.203.380.199	75.342.722.888
2. Trả trước cho người bán	132		13.836.183.616	829.355.301
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		20.000.000	
4. Phải thu theo tiến độ KH HĐ xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	45.133.844	19.434.280.865
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(4.245.760.326)	(4.245.760.326)
IV. Hàng tồn kho	140		43.964.133.058	33.754.173.294
1. Hàng tồn kho	141	V.04	43.964.133.058	33.754.173.294
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.866.897.362	

				1.333.617.745
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.413.333	304.030.005
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		127.876.688	
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	32.933.972	52.253.575
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.684.673.369	977.334.165
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		101.131.878.817	65.637.593.296
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		101.070.741.356	60.223.972.497
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	35.378.696.354	34.949.033.870
- Nguyên giá	222		60.702.842.122	54.824.310.359
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.324.145.768)	(19.875.276.489)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.488.096.261	
- Nguyên giá	228		3.423.828.108	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(935.731.847)	(935.731.847)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	63.203.948.741	25.274.938.627
III. Bất động sản đầu t	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu t tài chính dài hạn	250		-	5.220.000.000
1. Đầu t vào công ty con	251		-	-
2. Đầu t vào công ty liên kết, liên doanh	252			5.220.000.000
3. Đầu t dài hạn khác	258	V.13	-	-

4. Dự phòng giảm giá đầu t tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		61.137.461	193.620.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	61.137.461	193.620.799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		-
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		282.854.113.947	209.672.834.120
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		205.197.269.164	133.245.912.055
I. Nợ ngắn hạn	310		152.993.280.183	102.725.133.218
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	62.189.252.693	58.223.510.969
2. Phải trả người bán	312		31.119.238.604	31.038.137.291
3. Người mua trả tiền trước	313		46.770.053.830	1.664.223.531
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.111.879.644	3.326.116.651
5. Phải trả người lao động	315		5.320.195.150	5.731.150.000
6. Chi phí phải trả	316	V.17		162.875.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	404.738.000
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.952.949.515	1.103.024.731
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.529.710.747	1.071.357.045
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		52.203.988.981	30.520.778.837
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	52.091.795.039	30.408.584.895
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		112.193.942	112.193.942
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		77.656.844.783	76.426.922.065

I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	77.656.844.783	76.426.922.065
1. Vốn đầu t của chủ sở hữu	411		44.808.610.000	44.808.610.000
2. Thặng d vốn cổ phần	412		10.442.583.000	10.442.583.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			53.628.646
7. Quỹ đầu t và phát triển	417		13.145.815.030	9.537.652.838
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.665.737.660	1.169.921.760
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		892.199.725	793.036.545
10. Lợi nhuận sau thuế cha phân phối	420		6.701.899.368	9.621.489.276
11. Nguồn vốn đầu t XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		282.854.113.947	209.672.834.120

Các chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. V/t, HH nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhân ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Mẫu số B02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (C.TY+XN)

(Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010)
Sau kiểm toán ACA Group

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	157.750.087.160	138.319.328.394
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		157.750.087.160	138.319.328.394
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	131.618.086.618	118.025.053.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.132.000.542	20.294.275.366
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	578.647.098	1.631.222.541
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	7.867.454.179	5.882.746.851
- Trong đó: +Chi phí lãi vay	23		7.859.207.728	5.798.711.224
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.595.565.676	4.293.834.761
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20+ (21-22) - (24+25) }	30		13.247.627.785	11.748.916.295
11. Thu nhập khác	31		382.267.300	225.242.619
12. Chi phí khác	32		296.865.093	2.674.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		85.402.207	222.568.619
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.333.029.992	11.971.484.914
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3.324.618.342	1.715.436.929
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.008.411.650	10.256.047.985
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.234	2.289

Mẫu số B03-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2010 (C.TY + XN)

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12

(Theo phong pháp trực tiếp)

SAU KIỂM TOÁN ACA

ĐVT: đồng VN

Chỉ tiêu	M.số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. Lu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và d.thu khác	01		188.220.020.631	147.614.327.447
2. Tiền chi trả cho người cung cấp h/hoá và d.vụ	02		(170.204.875.523)	(105.895.719.707)
3. Tiền trả cho cho người lao động	03		(34.732.209.076)	(31.715.438.669)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.453.883.260)	(3.970.145.480)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.427.879.735)	(2.734.879.077)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.381.842.647	10.573.587.684
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.059.393.071)	(18.474.449.833)
Lu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(41.276.377.387)	(4.602.717.635)
II. Lu chuyển tiền từ hoạt động đầu t				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(3.462.481.284)	(24.706.262.737)
2. Tiền thu thanh lý, n/bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đ/vị khác	23			
4. Tiền thu hồi c/vay, b/lại c/cụ nợ của các đ/vị khác	24			1.000.000.000
5. Tiền chi đầu t góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu t góp vốn vào đơn vị khác	26		5.220.000.000	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu t	30		1.757.518.716	(18.706.262.737)
III. Lu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ p/hành c/phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		18.748.775.500	502.417.500
2. Tiền chi vốn góp cho các c/s/hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		120.372.888.251	109.079.072.679
4. Tiền chi trả gốc vay	34		(94.723.936.383)	72.897.310.568

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.468.009.000)	(5.700.000.000)
Lu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39.929.718.368	30.984.179.611
Lu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		410.859.697	7.675.199.239
Tiền và tong đồng tiền đầu kỳ	60		17.586.851.057	9.858.023.172
<i>Ảnh hưởng của thay đổi t/giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		34.556.623	53.628.646
Tiền và tong đồng tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	18.032.267.377	17.586.851.057

Bộ: Bộ xây dựng

Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Đơn vị: Công ty Cổ Phần LILAMA 69-2

*Phụ lục số B 09-DN
Bản hành theo quyết định 167/200/QĐ-BTC
Ngày 15/10/2000 và sửa đổi, bổ sung theo
Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày
30/03/2005 của Bộ trưởng BTC*

**Thuyết minh
báo cáo tài chính Năm 2010 (Cty+XN)
(Sau kiểm toán ACA Group)**

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp:

1 - Hình thức sở hữu vốn: Vốn Ngân sách cấp, vốn vay và vốn tự bổ sung.

2 - Lĩnh vực kinh doanh:

Lắp đặt, hiệu chỉnh các thiết bị cơ - điện - ống công nghiệp - thang máy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép, sản xuất vật tư xây dựng và xây dựng các công trình công nghiệp - dân dụng, lắp đặt trạm biến áp cao - hạ thế, xuất nhập khẩu vật tư kim khí.

3- Ngành nghề kinh doanh:

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1 - Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01, kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ chính trong toàn bộ báo cáo. Khi có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các đồng tiền khác, khi hạch toán sẽ quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm hạch toán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1 - Chế độ kế toán áp dụng

2 - Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo được thực hiện đúng theo Quyết định số 15/20006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC, tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán.

3 - Hình thức kế toán áp dụng: Sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản.

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

IV - Các chính sách kế toán áp dụng

1 - Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền tương đương tiền:
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Việt Nam Đồng:

Khi có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các đồng tiền khác, sẽ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm hạch toán. Đồng thời vẫn theo dõi chi tiết số tiền ngoại tệ thực tế tăng giảm trong kỳ. Đến cuối kỳ báo cáo sẽ tiến hành đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền ngoại tệ thực tế còn dư cuối kỳ (theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12/2010).

2 – Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo giá thực tế.
- Phương pháp xác định giá hàng tồn kho: theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ): kê khai thường xuyên (theo giá thực tế).
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không.

3 – Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: đánh giá theo nguyên giá TSCĐ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: tuân theo QĐ số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4 – Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: (không)
- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:(không)

5 – Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty còn, công ty liên kết:
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn khác:

6 - Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

- Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:

7 - Nguyên tắc ghi nhận vốn hoá các khoản chi phí khác:

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước:
- + Chi phí khác:
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phân bổ ngay đầu năm và khi có chi phí phát sinh.
- Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại (là một chi phí trích trước dài hạn): doanh nghiệp phân bổ trong 2 năm; 6 tháng trích một lần.

8 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10 - Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:
- Ghi nhận cổ tức:
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

11 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

12 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

13 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14 - Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15 - Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V – Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

01 - Tiền

(đơn vị tiền: đồng)

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	1.740.562.988	1.042.213.609
- Tiền gửi ngân hàng	16.291.704.389	16.544.637.448
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	18.032.267.377	17.586.851.057

02 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng	-	-

03 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	45.133.844	19.434.280.865
Cộng	45.133.844	19.434.280.865

04 - Hàng tồn kho:

	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.366.377.690	3.667.948.142
- Công cụ, dụng cụ	150.600.121	65.328.121
- Chi phí SXKD dở dang	42.447.155.247	30.020.897.031
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	43.964.133.058	33.754.173.294

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: Không

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: Không

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: (Không)

05 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	32.933.972	52.253.575
Cộng	32.933.972	52.253.575
06 - Phải thu dài hạn nội bộ
- Cho vay dài hạn nội bộ
- Phải thu dài hạn nội bộ khác
Cộng
07 - Phải thu dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Các khoản tiền nhận uỷ thác
- Cho vay không có lãi
- Phải thu dài hạn khác
Cộng

08 – Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa	Máy móc t/bị	P/tiện v/tài, truyền dẫn	T/bị d/cụ quản lý	Tổng cộng
N.giá TSCĐ HH					
Số d đầu năm	7.906.887.695	15.151.489.972	31.056.046.643	709.886.049	54.824.310.359
- Mua trong kỳ		3.630.087.636	1.613.636.364	111.938.365	5.355.662.365
- Đầu t XD CB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	665.676.898				665.676.898
- Thanh lý, nhượng bán			142.807.500		142.807.500
- Giảm khác					-
Số d cuối kỳ	8.572.564.593	18.781.577.608	32.526.875.507	821.824.414	60.702.842.122
G.trị hao mòn lũy kế					
Số d đầu năm	3.660.082.055	5.335.949.267	10.317.268.715	585.350.245	19.898.650.282

- Khấu hao trong kỳ	327.181.460	2.095.314.026	3.083.189.414	62.618.085	5.568.302.986
-Điều chỉnh chênh lệch					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			142.807.500		142.807.500
- Giảm khác					-
Số d cuối kỳ	3.987.263.515	7.431.263.293	13.257.650.629	647.968.330	25.324.145.768
G/trị c/lại của TSCĐ HH					-
- Tại ngày đầu năm	4.270.179.433	9.815.540.705	20.738.777.928	124.535.804	34.949.033.870
- Tại ngày cuối kỳ	4.585.301.078	11.350.314.315	19.269.224.878	207.659.261	35.412.499.531

- TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **10.947.830.836**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **14.298.039.344**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:(không)

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Q/sd đất	B/quyền, sáng chế	Nhãn hiệu, hàng hoá	Phần mềm	TSCĐ VH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ VH			LILAMA		ISO+Đất đai	
Số dư đầu năm			770.000.000		165.731.847	935.731.847
- Mua trong năm					2.488.096.261	2.488.096.261
- Thanh lý, nhượng bán						
Số dư cuối năm			770.000.000	-	2.653.828.108	3.423.828.108
G/trị hao mòn lũy kế			770.000.000		165.731.847	935.731.847
Số dư đầu năm			770.000.000		165.731.847	935.731.847
- Khấu hao trong năm						-
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm			770.000.000		165.731.847	935.731.847
G/trị c/lại của TSCĐVH						
- Tại ngày đầu năm			-		-	-
- Tại ngày cuối năm			-		2.488.096.261	2.488.096.261

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Số cuối năm Số đầu năm

	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng chi phí XD CB dở dang	63.203.948.741	25.274.938.627
- Trong đó (Những công trình lớn)		
+ Nhà xưởng Quán Toan		333.285.821
+ Nhà máy chế tạo thiết bị An Lão	63.148.379.650	24.941.652.806
+ Nhà văn phòng Xí nghiệp		-
+ S/c lớn TSCĐ	14.660.000	-
+ Xây dựng TT thiết kế	40.909.091	-

12 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư: (không)

13 - Đầu tư dài hạn khác: (không)

	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	-	-

14 - Chi phí trả trước dài hạn: (không)

	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình		
Cộng	-	-

15 - Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	62.189.252.693	58.223.510.969
- Nợ dài hạn đến hạn trả
Cộng	62.189.252.693	58.223.510.969

16 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.810.181.868	3.189.914.774
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu	(22.945.472)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.031.730.084	134.991.477
- Thuế thu nhập cá nhân	3.667.750	1.210.400
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	(9.988.500)	
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí & các khoản phải nộp khác	138.423.254	
Cộng	3.951.068.984	3.326.116.651
17 - Chi phí phải trả:		
	Cuối năm	Đầu năm
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Chi phí phải trả		162.875.000
Cộng	-	162.875.000
18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:		
	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Tạm ứng		28.983.625
- Phải thu khác		1.157.000
- Kinh phí công đoàn	1.193.554.536	847.287.330
- Bảo hiểm xã hội	327.227.544	21.793.000
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp	99.766.891	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện		112.318.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	332.400.544	91.485.176
Cộng	1.952.949.515	1.103.024.731

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

19 - Phải trả dài hạn nội bộ: (không)

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn	0	0
- Vay dài hạn nội bộ	0	0
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	0	0
Cộng	0	0

20 - Vay và nợ dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
<i>a</i> Vay dài hạn	52.091.795.039	30.408.584.895
- Vay ngân hàng	52.091.795.039	29.732.557.314
- Vay đối tượng khác		676.027.581
- Trái phiếu phát hành		0
<i>b</i> Nợ dài hạn	-	
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Cộng	52.091.795.039	30.408.584.895

- Các khoản nợ thuê tài chính: (Không)

(Đơn vị tính: đồng)

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản T.toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản T.toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	0			0		
Từ 1-5 năm	0			0		
Trên 5 năm	0			0		

21 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: (không)

	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhập từ các năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

B - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: (không)	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

22 - Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại 01/01/2009	30.000.000.000	6.000.000.000	290.294.373	12.157.519.312
Lãi trong năm	-	4.442.583.000	502.742.172	10.256.047.985
Tăng trong năm	14.808.610.000	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(5.700.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.977.605.770)
Giảm khác	-	-	-	(114.472.251)
Tại 31/12/2009	44.808.610.000	10.442.583.000	793.036.545	9.621.489.276
Lãi trong năm	-	-	-	10.008.411.650
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(7.169.377.600)
Trích lập các quỹ	-	-	99.163.180	(5.690.588.974)
Giảm khác	-	-	-	(68.034.984)
Tại 31/12/2010	44.808.610.000	10.442.583.000	892.199.725	6.701.899.368

(*) Bao gồm chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 6%/cổ phần (tương đương với 2.688.516.600 đồng) và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 10% tương đương với 4.480.861.000 đồng)

Thay đổi các quỹ

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND
Tại ngày 01/01/2009	5.068.833.535	667.179.588
Trích lập các quỹ	4.468.819.303	502.742.172
Tại ngày 31/12/2009	9.537.652.838	1.169.921.760
Trích lập các quỹ	3.608.162.192	495.815.900
Tại ngày 31/12/2010	13.145.815.030	1.665.737.660

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn của Nhà nước	22.576.350.000	22.576.350.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	22.232.260.000	22.232.260.000
Cộng	44.808.610.000	44.808.610.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<i>Phân thuyết minh BC tài chính tiếp theo</i>	
	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.808.610.000	44.808.610.000
+ Vốn góp đầu năm	22.576.350.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	22.232.260.000	14.808.610.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.468.009.000	5.700.000.000

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Đã tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng 10% = 4.480.861.000đ

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....

đ - Cổ phiếu:

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		4.480.861
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.480.861	4.480.861
+ Cổ phiếu phổ thông	4.480.861	4.480.861
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.480.861	4.480.861
+ Cổ phiếu phổ thông	4.480.861	4.480.861
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ*

e - Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển 12.529.054.841

- Quỹ dự phòng tài chính 1.576.887.610

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 850.578.663

* Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

- *Đối với QĐTPT* : Công ty thiết lập nhằm đầu tư chiều sâu trang thiết bị thi công-gia công trang thiết bị. Xây dựng cơ vật chất kỹ thuật khác phục vụ cho bộ máy quản lý và điều hành chung.

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

- Đối với QDPTC: Công ty thiết lập quỹ dự phòng nhằm tránh những tình huống bất ngờ của sự biến động giá trị của các hoạt động tài chính và các hoạt động bất khả kháng./
- Đối với QKTPL: Công ty thiết lập quỹ này nhằm tặng thưởng những các nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động công tác. Có nhiều sáng kiến tiết kiệm chi phí đem lại hiệu quả nhất định cho Công ty; Đồng thời quỹ sẽ đầu tư vào các công trình phúc lợi công cộng... nhằm nâng cao đời sống văn hoá của CBCNV trong tập thể Công ty./
- Đối với QDPmất việc làm: Quỹ được trích lập theo đúng quy định của Nhà nước; tiến hành trợ cấp trợ CBNV khi không có việc làm.
- g - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của chuẩn mực kế toán cụ thể:

23- Nguồn kinh phí: (không) Năm nay Năm trước

- Nguồn kinh phí được cấp trong năm
- Chi sự nghiệp
- Nguồn kinh còn lại cuối năm

24 - Tài sản thuê ngoài: (Không)

- (1)- Giá trị tài sản thuê ngoài
 - TSCĐ thuê ngoài
 - Tài sản khác thuê ngoài
- (2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn
 - Từ 1 năm trở xuống
 - Trên 1 năm đến 5 năm
 - Trên 5 năm

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị tính: đồng)

	Năm nay	Năm trước
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	157.750.087.160	138.319.328.394
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	156.055.661.887	136.262.795.260
- Doanh thu khác:	1.694.425.273	2.056.533.134
- Doanh thu hợp đồng xây dựng(Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ

Phân thuyết minh BC tài chính tiếp theo

+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại
- Thuế GTGT phải nộp (Phương pháp trực tiếp)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất khẩu
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)		
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá		
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	131.618.086.618	117.902.216.427
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	122.836.601
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư
- Hoa hụt mất mát hàng tồn kho
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Cộng	131.618.086.618	118.025.053.028
29- Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	535.844.024	213.879.883
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi bán ngoại tệ
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.803.074	1.417.342.658
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác
Cộng	578.647.098	1.631.222.541

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

30 - Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	7.859.207.728	5.798.711.224
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Lỗ bán ngoại tệ
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.246.451	84.035.627
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chi phí tài chính khác
Cộng	7.867.454.179	5.882.746.851
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.324.618.342	1.715.436.929
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.324.618.342	1.715.436.929
32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí máy thi công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

- Chi phí khác bằng tiền
Cộng

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm nay	Năm trước
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu;
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

VII. Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 3- Thông tin về các bên liên quan;
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận(theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý)
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Phần thuyết minh BC tài chính tiếp theo

		Kỳ này	Kỳ trước
5.1, Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	35,67	31,30
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	6,36	68,87
5.2, Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	72,60	63,04
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	27,40	36,96
5.3 Khả năng thanh toán	lần		
5.3.1, Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,38	1,59
5.3.2, Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,12	1,42
5.3.3, Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,12	0,17
5.3.4, Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần		
5.4. Tỷ suất sinh lời			
5.5, Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	8,45	8,65
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	6,34	7,41
5.6, Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,71	5,71
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,53	4,89
5.7, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	12,89	13,23

6- Thông tin về hoạt động liên tục

7- Những thông tin khác:

Theo quyết định số: 767/UBCK-GCN ngày 28 tháng 12 năm 2010 của ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty được phép huy động vốn bằng phát hành thêm cổ phiếu cụ thể như sau:

Tên chứng khoán: Công ty cổ phần Lilama 69-2

- Mã chứng khoán: L62

- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng

- Số lượng chào bán 1.568.301 cổ phần tương đương với 15.683.010.00 đồng.

- Đối tượng mua là cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1 cổ phiếu cũ được mua thêm 0.35 cổ phiếu mới.

- Mục đích huy động vốn : Bổ sung nguồn vốn kinh doanh hoặc

- Ngày đăng ký cuối cùng: 24 tháng 01 năm 2011

- Ngày hưởng quyền mua cổ phiếu: 26 tháng 01 năm 2011

- Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: từ 14/02/2011 đến 08/03/2011

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **Chi nhánh C.ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính**

Địa chỉ: Số 499 tổ 3 khu 6 phường Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính như đã trình bày tại thuyết minh 4.3, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã thu thập được tài liệu chứng minh được khả năng thu hồi khoản công nợ trên 3 năm mà quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Công ty sẽ phải trích lập dự phòng. Công ty tin tưởng rằng khoản công nợ này chắc chắn sẽ thu hồi được trong năm 2011, do đó, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản nợ chưa thu được này.

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không

- Các nhận xét đặc biệt: Không

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam nắm giữ 2.257.635 cổ phần chiếm 50,38% vốn điều lệ.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

Công ty nắm giữ 50,38% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 69-2 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110860 cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 1996 và thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 05 năm 2006, chuyển đổi từ Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, có GCN ĐKKD số 110860 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/04/1996 theo Quyết định số 93/TĐSD-HĐQT ngày 30/06/2010 của Tập đoàn Sông Đà. Nay là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mã số doanh nghiệp: 0100106313 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính: 124 , phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Ngành, nghề kinh doanh chính:

+ Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của Nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc;

- + Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế điện;
 - + Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
 - + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - + Xuất khẩu lao động, vật tư, thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng;
 - + Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - + Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải, hàng hoá, các thiết bị siêu trường siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;
 - + Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
 - + Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - + Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông và đường biển;
 - + Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ; giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;
 - + Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn; đào tạo và thực hiện việc đưa người lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
 - + Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, các dây chuyền công nghệ mới;
 - + Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hoá, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải; làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng quy định của pháp luật;
- Vốn điều lệ: 616.000.000.000đ

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ đồ như sau:

1.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, ĐHĐCĐ sẽ quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, dài hạn của Công ty; thông qua phương án sử dụng tài sản và phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT và các kiểm soát viên.

1.2. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với Pháp luật Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có thẩm quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty. HĐQT có trách nhiệm giám sát giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

1.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

1.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của công ty gồm có Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

1.4.1 Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Công ty. Là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

1.4.2 Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

1.5. Các phòng, Ban chức năng công ty gồm

1.5.1. Phòng tổ chức lao động

- Phòng tổ chức lao động, bảo vệ có chức năng tuyên truyền hướng dẫn, giáo dục cán bộ công nhân viên trong Công ty về các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, quyền và nghĩa vụ của công dân.
- Chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về quy hoạch đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm cán bộ quản lý, đào tạo, tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân và nâng cao tay nghề cho công nhân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, thực hiện nội quy kỷ luật lao động tại các đơn vị, thời gian làm việc của toàn công ty. Đảm bảo 8h trong một ngày làm việc 44h trong một tuần.
- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động và đáp ứng kịp thời hợp lý nguồn nhân lực theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, quản lý và bổ sung hồ sơ nhân sự.
- Có kế hoạch đào tạo cán bộ, tuyển dụng và đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân, đáp ứng yêu cầu chiến lược củng cố và phát triển của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo hàng tháng, quý về tổ chức nhân sự và lao động tiền lương theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ chính sách nghĩa vụ, quyền lợi đối với người lao động như: BHXH, BHYT, chế độ nghỉ ngơi hàng năm. Duyệt ký chế độ nghỉ phép hàng năm cho người lao động trừ những cán bộ do Tổng giám đốc điều hành quản lý. Ký giấy giới thiệu thông thường cho quan hệ xã hội dân sự, đảm bảo mọi hoạt động thông suốt của công ty và tự chịu trách nhiệm hậu quả khi đã ký.
- Duy trì thường xuyên và thực hiện kịp thời công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, khuyến khích thợ giỏi, cán bộ giỏi, những người có tâm huyết với công ty.
- Quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, với dân, với cấp trên để tạo mối quan hệ làm việc thuận lợi, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ toàn diện của Công ty.

- Bảo vệ tài sản an toàn của công ty trong khu cơ quan, khu nhà xưởng, các công trình công cộng. Đảm bảo trật tự an ninh chính trị nội bộ, xã hội nơi Công ty tham gia đóng quân và kinh doanh sản xuất. Đảm bảo sự đoàn kết trong cơ quan, trong các phòng ban nghiệp vụ, giải quyết kịp thời khi có phát sinh trong đời sống xã hội.
- Chỉ đạo việc lập kế hoạch thực hiện công tác huấn luyện tự vệ quân sự hàng năm theo hướng dẫn của Ban chỉ huy quân sự quận và thành phố.
- Chỉ đạo việc phòng chống bão lụt, lập các phương án cứu trợ kịp thời khi có thiên tai xảy ra.
- Đảm nhận việc ghi chép thư ký của các cuộc họp giao ban và các cuộc họp điều hành sản xuất thường kỳ.

1.5.2. Phòng tài chính - Kế toán

- Giúp Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ chính sách tài chính, chế độ kế toán của Nhà nước, việc bảo vệ tài sản, vật tư tiền vốn và quản lý vốn nhà nước và vốn góp của các cổ đông.
- Giúp Tổng giám đốc trong công tác hạch toán kế toán. Thu thập xử lý thông tin số liệu kế toán và tính toán ghi chép toàn bộ đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong doanh nghiệp theo các chuẩn mực kế toán và luật kế toán hiện hành.
- Giúp Tổng giám đốc phân tích quản trị tài chính và hiệu quả SXKD cung cấp các thông tin kinh tế cho Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng luật doanh nghiệp.
- Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính kế toán của Công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch khấu hao tài sản cố định, kế hoạch thu chi bằng tiền.
- Tham gia cùng các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác trong Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch quỹ lương, ... Chủ động tính toán việc thực hiện nộp nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, kết hợp với các phòng ban trong Công ty tính toán các khoản trích nộp BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn theo quy định của luật doanh nghiệp hiện hành.
- Thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền công lao động cho người lao động đúng chế độ Nhà nước, quy chế của Công ty và thanh toán đúng thời gian, kỳ hạn.
- Tổ chức toàn bộ công tác kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty và các qui định của luật pháp bao gồm :

- Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu đảm bảo mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh phản ánh trong kế toán phải khách quan đúng thực tế, được ghi chép đầy đủ theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán quy định hiện hành.
- Tổ chức áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định. Xác định, lựa chọn áp dụng hình thức kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán phù hợp với đặc điểm loại hình của doanh nghiệp.
- Tổ chức lựa chọn các sổ kế toán chi tiết và hệ thống sổ kế toán phù hợp với hình thức kế toán Công ty áp dụng.
- Lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán chi tiết và tổ chức bộ máy kế toán phù hợp tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức trang bị và ứng dụng kỹ thuật tính toán và thông tin hiện đại trong công tác kế toán.
- Tổ chức hạch toán chính xác, kịp thời, có hệ thống số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, tính toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, các khoản thanh toán với ngân sách và các khoản thanh toán khác của doanh nghiệp theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán quy định.
- Tổ chức hạch toán xác định chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả lãi, lỗ và lợi tức của các nhà đầu tư tài chính vào Công ty.
- Thu thập tổng hợp số liệu, tài liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lập các báo cáo kế toán tài chính, thống kê và cung cấp các thông tin tài liệu tài chính kế toán cho các đơn vị, cá nhân theo luật định và điều lệ Công ty. Thực hiện phân tích hoạt động kinh tế tài chính và thông tin kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp.
- Phối hợp với các phòng ban trong công tác thu hồi vốn, thu hồi vật tư ở các công trình hoàn thành thi công.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu - chi tài chính, kỷ luật thu nộp, thanh toán, chế độ quản lý kinh tế - tài chính tại doanh nghiệp.
- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ và tư vấn cho Tổng Giám đốc và HĐQT về thuê kiểm toán độc lập khi có yêu cầu phải kiểm toán.

- Lập kế hoạch trình HĐQT và Đại hội Cổ đông các phương án trích lập quỹ, phân chia cổ tức, thực hiện kịp thời việc chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy chế tài chính theo quyết định của HĐQT và Đại hội Cổ đông Công ty.

1.5.3. Phòng vật tư thiết bị

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về quản lý, cung cấp vật tư phục vụ các công trình thi công của Công ty, tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Dựa vào hợp đồng kinh tế và yêu cầu của khách hàng, phòng lập kế hoạch tiếp nhận hoặc khai thác thị trường, cung cấp nhanh đủ, kịp thời đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng và chịu trách nhiệm về giá cả với Tổng Giám đốc Công ty.
- Quản lý theo dõi công tác xuất, nhập khẩu hàng hoá theo quy chế của Công ty, chế độ chính sách của Nhà nước.
- Tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Dựa vào hợp đồng kinh tế và yêu cầu của khách hàng, phòng vật tư thiết bị lập kế hoạch tiếp nhận hoặc khai thác thị trường cung cấp nhanh, đủ, kịp thời đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và chịu trách nhiệm về giá cả với Tổng giám đốc Công ty.
- Cấp phát vật tư theo kế hoạch dự trù đã được Tổng giám đốc duyệt, đảm bảo số lượng, chất lượng, hoá đơn chứng từ xuất, nhập phải rõ ràng, chính xác. Lập thẻ kho cập nhập theo dõi hàng ngày.
- Hàng hoá, vật tư, thiết bị, phương tiện lưu trong kho bãi được sắp xếp hợp lý, bảo quản an toàn, dễ lấy, có đánh dấu hoặc dán nhãn mác để nhận biết.
- Nếu ở kho bãi ngoài trời hoặc ở hiện trường thi công thì phải kết hợp với bảo vệ để ghi vào sổ trực giao ca.
- Những loại vật tư hoặc sản phẩm kém chất lượng phải có nhãn mác, có dấu hiệu và biển báo kèm theo biên bản tình trạng hư hỏng vật tư, sản phẩm đó.
- Mở sổ theo dõi các đơn vị thuê, mượn dụng cụ, máy móc, quyết toán vật tư để có cơ sở thanh quyết toán công trình, hạch toán giá thành, khấu hao tài sản.
- Kết hợp với các phòng ban chức năng kiểm kê đánh giá chất lượng tài sản của Công ty theo kế hoạch định kỳ.

- Tập hợp các văn bản chính sách của Đảng, Nhà nước về xuất nhập khẩu hàng hoá. Hoàn thiện các chứng từ, thủ tục, hoá đơn, thuế,... phục vụ việc xuất, nhập khẩu hàng hoá của Công ty. Khai thác thị trường phục vụ cho việc xuất, nhập khẩu.

1.5.4. Phòng kinh tế kỹ thuật

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc những phần việc sau:

- Lập kế hoạch và báo cáo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty từng thời kỳ (quý, năm,...), lập các luận chứng kinh tế kỹ thuật. Lập kế hoạch đầu tư phát triển, mở rộng và đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hàng tháng đôn đốc các đơn vị sản xuất báo cáo khối lượng và kế hoạch thi công làm cơ sở báo cáo Tổng Công ty.
- Quan hệ khai thác khách hàng để mở rộng thị trường.
- Nắm bắt nhu cầu của thị trường, bóc tiền lương, lập dự toán, biện pháp tổ chức thi công,.. lập hồ sơ dự thầu, chào giá đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Thương thảo và lập hợp đồng kinh tế với các đối tác đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ theo pháp luật hiện hành.
- Tổ chức duyệt biện pháp thi công của các đơn vị sản xuất.
- Lập dự toán nội bộ để giao khoán cho các đơn vị sản xuất (theo quy chế khoán), đảm bảo đúng đủ giá khoán cho đơn vị sản xuất. Hàng tháng theo dõi cân đối tiền lương tại các đơn vị nhận khoán, kết hợp với các phòng ban liên quan hạch toán kinh tế các công trình để nắm bắt được hiệu quả SXKD.
- Đáp ứng kịp thời và sử dụng hiệu quả phương tiện dụng cụ xe máy thi công, có kế hoạch khắc phục sửa chữa và bảo dưỡng kịp thời dụng cụ trang thiết bị, cập nhật, theo dõi nhật trình hoạt động đầy đủ chính xác. Kết hợp với phòng Tài chính - Kế toán theo dõi sổ sách và đánh giá chất lượng tài sản một cách chính xác, thực hiện kiểm định theo luật đăng kiểm và kiểm kê định kỳ theo chế độ của Nhà Nước.
- Giám sát việc thi công tại các đơn vị, các công trình, có biện pháp cụ thể hỗ trợ các đơn vị thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.
- Theo dõi các đơn vị lập các biểu khối lượng hoàn thành hàng tháng và theo giai đoạn quy định trong hợp đồng. Lập hồ sơ nghiệm thu, bàn giao, thanh lý hợp đồng và quản lý lưu trữ.

- Định kỳ kiểm kê khối lượng dở dang.
- Đề xuất hội thảo về khoa học kỹ thuật, về các đề tài mới, các dự án mới và phổ biến các văn bản tổng kết kinh nghiệm ở các công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp và chất lượng cao.
- Lập các biên bản sai phạm kỹ thuật, biên bản các sản phẩm không đạt chất lượng để có biện pháp cải tiến, khắc phục và phòng ngừa.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ thường xuyên được đề phòng và giám sát nhắc nhở kịp thời. Tổ chức học tập quy trình, quy phạm an toàn lao động từng bước được duy trì thường xuyên định kỳ.
- Các chế độ bảo hộ lao động (BHLĐ) được thực hiện nghiêm túc (quần, áo, mũ, kính bảo hộ, găng tay, quần áo thợ hàn...) cải thiện môi trường làm việc, lập biên bản các vụ vi phạm về an toàn và vệ sinh lao động.

Kết hợp với Phòng tổ chức, Phòng đào tạo Tổng công ty để thực hiện việc tổ chức thi nâng bậc cho công nhân các loại thợ hàng năm.

1.5.5. Phòng Đầu tư XD CB

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc những phần việc sau:

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về quản lý, cung cấp máy móc, thiết bị thi công phục vụ các công trình thi công của Công ty, tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Dựa vào nhu cầu của công việc, phòng lập kế hoạch thuê, mua dụng cụ, máy móc thiết bị kịp thời đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng và chịu trách nhiệm về giá cả với Tổng Giám đốc Công ty.
- Quản lý theo dõi tài sản cố định, máy móc, dụng cụ theo quy chế của Công ty, chế độ chính sách của Nhà nước.
- Tiếp cận nắm bắt thị trường, khai thác nguồn hàng, chủ động kế hoạch mua hàng khi có yêu cầu.
- Cấp phát máy móc, thiết bị thi công theo kế hoạch dự trù đã được Tổng giám đốc duyệt, đảm bảo số lượng, chất lượng, hoá đơn chứng từ, biên bản bàn giao máy móc thiết bị, tài sản phải rõ ràng, chính xác.
- Máy móc thiết bị phải được bảo quản, sử dụng, bảo dưỡng một cách hợp lý theo quy định của công ty.
- Những loại tài sản, máy móc kém chất lượng phải có nhãn mác, có dấu hiệu và biển báo kèm theo biên bản tình trạng hư hỏng của máy móc, thiết bị đó.
- Mở sổ theo dõi các đơn vị thuê, mượn máy móc, tài sản và trích khấu hao tài sản theo quy định của Bộ tài chính.

- Kết hợp với các phòng ban chức năng kiểm kê đánh giá chất lượng tài sản của Công ty theo kế hoạch định kỳ.
- Tập hợp thường xuyên các văn bản chính sách của Đảng, Nhà nước về quy chế quản lý tài sản, máy móc thiết bị.

1.5.6. Văn phòng

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác đối nội, đối ngoại trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.
- Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc về lễ nghi khánh tiết, hội nghị và các buổi họp giao ban của Công ty, tổng hợp báo cáo thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng, hàng năm và đại hội cổ đông.
- Quản lý con dấu, lưu trữ tài liệu công văn đi, đến, sao trích lục các văn bản tài liệu pháp qui của Nhà nước, cấp trên theo luật định.
- Văn phòng có nhiệm vụ đón tiếp khách đến làm việc tại Công ty bao gồm: Cấp trên, các Ban ngành địa phương, các bạn hàng, báo chí và báo cáo để Tổng Giám đốc bố trí làm việc.
- Có nhiệm vụ lập báo cáo tổng hợp mọi hoạt động của Công ty trình Tổng giám đốc duyệt gửi Hội đồng quản trị. Chuẩn bị tài liệu phục vụ kỳ họp HĐQT và Đại hội Cổ đông thường niên.
- Có nhiệm vụ quản lý chặt chẽ con dấu, lưu trữ đầy đủ các loại Công văn đi, đến theo đúng qui định. Thường xuyên kiểm tra nếu thấy có nghi vấn báo cáo Tổng Giám đốc kịp thời giải quyết. Ký sao các văn bản pháp qui, trích lục văn bản hướng dẫn, các tài liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, giấy giới thiệu, công tác, khám sức khỏe cho CBCNV, các loại công văn thuộc phạm vi liên quan theo quyền hạn của văn phòng.
- Lập kế hoạch dự trù văn phòng phẩm, các trang thiết bị khi cần thiết trình Tổng Giám đốc duyệt và mua sắm, cấp phát kịp thời toàn bộ thiết bị, văn phòng phẩm hàng tháng, quý,... phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý toàn bộ trang thiết bị văn phòng.
- Phân công và bố trí điều hành xe con do văn phòng quản lý phù hợp, kịp thời phục vụ chỉ đạo thi công và công tác của các phòng ban. Quản lý toàn bộ tài sản khu cơ quan Công ty.
- Công tác Y tế: Giải quyết công ốm cho cán bộ công nhân viên, liên hệ với Trung tâm y tế địa phương để khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Khám sức khỏe trào cao cho công nhân các công trình; tham gia kiểm tra an toàn vệ sinh công nghiệp tại các công trình. Thường xuyên kiểm tra công tác vệ sinh khu cơ quan, đề xuất sửa chữa thay thế kịp thời khi các thiết bị hư hỏng, vệ sinh khu vực cơ quan hàng ngày.

- Chăm lo phục vụ chu đáo ăn ca cho khối văn phòng. Theo dõi việc sử dụng điện, nước sản xuất và sinh hoạt khu cơ quan và đội xe máy, các tài liệu qua Fax, điện thoại,... và làm thủ tục thanh toán các chi phí đó.

1.6. Các đội công trình trực thuộc gồm:

- Đội lắp máy số 1
- Đội lắp máy số 2
- Đội lắp máy số 3
- Đội lắp máy số 4
- Đội lắp máy số 5
- Đội lắp máy số 6
- Đội xe máy

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

2.1 Ban Giám đốc.

Ông Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	21/8/1955
Số CMTND	012484039
Nơi sinh:	Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Hưng Yên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:	P3, C8C, Láng Hạ, Hà Nội
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
Từ năm 1973 - 1979:	Công nhân kỹ thuật điện Công ty Lắp máy Hà Bắc
Từ năm 1979 - 1988:	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lắp máy Phả Lại thuộc Liên hiệp Lắp máy 69
Từ năm 1988 - 1995:	Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty Lắp máy 69-1
Từ năm 1995 - 1998:	Phó giám đốc Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-1

Từ năm 1998 - 2004:	Giám đốc Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2.
Từ tháng 11/2004 đến tháng 4/2009	Tổng giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 69-2 Ủy viên HĐQT - Bí thư Đảng uỷ Công ty
Từ tháng 4/2009 đến nay	Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc - Bí thư Đảng uỷ Công ty cổ phần LILAMA 69-2

Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng giám đốc Công ty
-----------------------------	----------------------------------

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	03/11/1962
Số CMTND	031030343
Nơi sinh:	Thái Thụy, Thái Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thái Thụy, Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	TT Lắp máy 69-2 Thượng Lý, Hồng Bàng, HP
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Từ năm 1984 - 1990:	Công nhân điện Liên hợp lắp máy 69 Phả Lại
Từ năm 1990 - 1997:	Cán bộ kỹ thuật Công ty LM và Xây dựng 69-2
Từ năm 1997 - 1999:	Quyền Trưởng phòng KT-KT-KH Công ty LM và XD 69-2
Từ năm 2001 - 2004:	Trưởng phòng KT-KT-KH Công ty LM và XD 69-2
Từ tháng 12/2004 đến tháng 4/2009:	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng KT-KT-KH Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 4/2009 đến nay:	Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng đầu tư Công ty cổ phần LILAMA 69-2

Ông Lê Cao Bằng	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty
------------------------	--

Giới tính:	Nam
------------	-----

Năm sinh: 03/3/1974
 Số CMTND 141646867
 Nơi sinh: Vân Du, Ân Thi, Hưng Yên
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Vân Du, Ân Thi, Hưng Yên
 Địa chỉ thường trú: TT Lắp máy 69-2 Thượng Lý, Hồng Bàng, HP
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ năm 1997 – 2000: Kỹ sư trưởng kiểm tra chất lượng của dự án thi công Phả Lại II thuộc Công ty LM và XD 69-1
 Từ năm 2000 – 2001: Phòng QLDA thuộc tập đoàn Hyundai phụ trách mảng tiến độ
 Từ năm 2001 – 2002: Phó phòng KT-KT-KH Công ty LM và XD 69-2
 Từ năm 2002 – 2003: Đội trưởng công trình chế tạo và lắp đặt lọc bụi tĩnh điện Đồng Nai
 Từ 2003 đến tháng 4/2009: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 69-2
 Từ tháng 4/2009 đến nay : Ủy viên HĐQT, phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA 69-2

Ông Trần Xuân Trường Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty

Giới tính : Nam
 Năm sinh: 06/6/1973
 Nơi sinh: Đông Hưng - Thái Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán Đông Hưng - Thái Bình
 Địa chỉ thường trú : Số 26/43/85 Hàng Kênh – Lê Chân - Hải Phòng
 Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn :	Kỹ sư máy xây dựng
Quá trình công tác :	
Từ tháng 7/1999 - 8/1999	Kỹ thuật thi công công trình Nhiệt điện Phả Lại II
Từ tháng 9/1999 - 2/2005	Đội trưởng sản xuất, Phó trưởng đại diện Văn phòng LILAMA tại công trình Xi măng Hải Phòng mới.
Từ tháng 3/2005 - 9/2006	Trưởng đại diện Văn phòng LILAMA tại công trình Xi măng Hải Phòng mới kiêm đội trưởng công trình.
Từ tháng 6/2006 - 10/2007	Giám đốc Xí nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu thuộc Công ty CP LILAMA 69-2. Trưởng đại diện Văn phòng LILAMA tại công trình Xi măng Hải Phòng mới
Từ tháng 11/2007 - tháng 4/2009	Phó tổng giám đốc Công ty, Giám đốc Xí nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu, Chỉ huy trưởng công trình Thủy điện Sơn La.
Từ tháng 4/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty, Giám đốc Xí nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu, Chỉ huy trưởng công trình Thủy điện Sơn La.

1. Ông Nguyễn Sơn Hùng	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	03/07/1976
Số CMTND:	011848004
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Mê Linh - Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	Số 50/543 đường Giải Phóng - Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
Từ năm 1999 đến 2001:	Kỹ thuật thi công dự án Nhiệt điện Phả Lại II - Công ty cổ phần LILAMA 69-2

Từ năm 2001 đến 2003:	Kỹ thuật thi công dự án nhà máy thép Việt Ý - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ năm 2003 đến 2004:	Kỹ thuật thi công dự án nhà máy Xi măng Hải Phòng mới - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 2/2004 đến tháng 5/2004:	Phó phòng KT-KH-KT - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 6/2004 đến 2008:	Đội trưởng công trình, quản lý Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ 2008 đến tháng 4/2009:	Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 4/2009 đến tháng 07/2010:	Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng KT-KT Công ty CP LILAMA 69-2
Từ tháng 7/2010 đến nay:	Ủy viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty.

1. Ông Nguyễn Hữu Hoá**Phó tổng giám đốc Công ty**

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	16/2/1972
Số CMTND:	031726142
Nơi sinh:	Hung Yên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Yên Mỹ - Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:	Số 28 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
Từ năm 1989 đến 1993:	Công nhân xí nghiệp Lắp máy 69-3 Kim Môn, Hải Dương
Từ 1/1993 đến 12/199:	Công nhân ống xí nghiệp lắp máy 69-1 Chí Linh, Hải Dương

Từ năm 1994 đến 1997:	Công nhân lắp máy và xây dựng 69-1 Bắc Ninh
Từ 1997 đến 1999:	Kỹ thuật thi công Công ty lắp máy và xây dựng 69-1
Từ 1999 đến 2004:	Đội trưởng đội sản xuất - Công ty cổ phần Lilama 69-2
Từ 2004 đến 2/2010	Đội trưởng đội sản xuất, chỉ huy trưởng công trình Nhà máy thủy điện Nậm Đông III – C.ty CP Lilama 69-2
Từ T3/2010 đến 7/2010	Giám đốc Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi thuộc Công ty cổ phần Lilama 69-2
Từ T07/2010 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty – Giám đốc Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi thuộc C.ty CP Lilama 69-2

2.2 Kế toán trưởng.

Bà Vũ Thị Ngà	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	10/4/1959
Số CMTND	140175099
Nơi sinh:	Ân Thi, Hưng Yên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ân Thi, Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:	Số 2B /16 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ tháng 5/1978 - 10/1982:	Kế toán tại Lắp máy 69 Hoàng Thạch
Từ năm 1982 - 1986:	Kế toán tại Lắp máy 69 Phả Lại
Từ năm 1986 - 1993:	Kế toán tại Lắp máy 10
Từ năm 1993 - 2002:	Kế toán tại Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2
Từ năm 2002 - 2004:	Phó phòng kế toán Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2

Từ năm 2004 - 2005:	Phó phòng kế toán Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 9/2005 đến T4/2009 :	Kế toán trưởng Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 4/2009 đến nay:	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần LILAMA 69-2

3. Thay đổi Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong năm: Không có**4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:**

Ban giám đốc công ty được hưởng quyền lợi về tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy chế của công ty.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động đến 31/12/2010 là 870 người;
- Chính sách đối với người lao động:
 - + Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
 - + Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
 - + Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
 - + Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
 - + Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.
 - + Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

+ Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: Có

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát:

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên :

- | | | |
|-------------------------|---|---------------|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Thanh | - | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà Vũ Thị Ngà | - | Thành viên |
| 3. Ông Trần Xuân Trường | - | Thành viên |
| 4. Ông Lê Cao Bằng | - | Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Sơn Hùng | - | Thành viên |

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT (Xem mục Ban giám đốc và Kế toán trưởng)

1. Ông Nguyễn Sơn Hùng Ủy viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	03/07/1976
Số CMTND:	011848004
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Mê Linh - Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	Số 50/543 đường Giải Phóng - Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
Từ năm 1999 đến 2001:	Kỹ thuật thi công dự án Nhiệt điện Phả Lại II - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ năm 2001 đến 2003:	Kỹ thuật thi công dự án nhà máy thép Việt Ý - Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ năm 2003 đến 2004:	Kỹ thuật thi công dự án nhà máy Xi măng Hải Phòng mới -

Công ty cổ phần LILAMA 69-2

Từ tháng 2/2004 đến tháng 5/2004:

Phó phòng KT-KH-KT - Công ty cổ phần LILAMA 69-2

Từ tháng 6/2004 đến 2008:

Đội trưởng công trình, quản lý Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện - Công ty cổ phần LILAMA 69-2

Từ 2008 đến tháng 4/2009:

Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty cổ phần LILAMA 69-2

Từ tháng 4/2009 đến tháng 07/2010:

Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng KT-KT Công ty CP LILAMA 69-2

Từ tháng 7/2010 đến nay:

Ủy viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty.

a. Ban kiểm soát của công ty có 03 thành viên trong đó có 1 thành viên độc lập không điều hành.

- | | | |
|------------------------|---|------------|
| 1. Ông Đỗ Xuân Trường | - | Trưởng ban |
| 2. Bà Lê Thị Minh | - | Thành viên |
| 3. Ông Đỗ Trường Giang | - | Thành viên |

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

1. Ông Đỗ Xuân Trường	Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1981
Số CMTND:	012989688
Nơi sinh:	Kim Sơn - Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Kim Sơn – Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	Phòng 1204 Nhà F - ngõ 28 Xuân La - Tây Hồ Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	

Từ năm 2006 đến 2006:	Kế toán Công ty cổ phần Sữa Hà Nội
Từ tháng 11/2006 đến tháng 4/2009:	Chuyên viên Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 4/2009 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần LILAMA 69-2, Chuyên viên Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

2. Bà Lê Thị Minh**Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	06/06/1974
Số CMTND:	030965163
Nơi sinh:	Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Bảo - Hải Phòng
Địa chỉ thường trú:	TT Lắp máy 69-2 Thượng Lý - Hồng Bàng - Hải Phòng
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ năm 1997 đến năm 1999:	Kế toán Công ty Lắp máy và xây dựng 69-2
Từ năm 2000 đến 2004:	Cán bộ kinh tế Phòng KT-KH-KT Công ty Lắp máy và xây dựng 69-2
Từ năm 2005 đến 2006:	Cán bộ kinh tế Phòng KT-KH-KT Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ năm 2007 đến tháng 4/2009:	Phó trưởng phòng KT-KH-KT Công ty cổ phần LILAMA 69-2
Từ tháng 4/2009 đến nay:	Thành viên Ban Kiểm soát - Phó trưởng phòng KT-KT

3. Ông Đỗ Trường Giang**Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính:	Nam
------------	-----

Năm sinh:	26/06/1980
Số CMTND:	031038090
Nơi sinh:	Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Lê Chân - Hải Phòng
Địa chỉ thường trú:	Số 6/43 - Ngõ 85 - Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công trình
Quá trình công tác:	
<i>Từ năm 2003 đến 2007:</i>	<i>Kỹ thuật thi công các công trình phía Nam - Công ty cổ phần LILAMA 69-2</i>
<i>Từ năm 2007 đến tháng 4/2009:</i>	<i>Kỹ thuật thi công dự án Thủy điện Sơn La - Công ty cổ phần LILAMA 69-2</i>
<i>Từ tháng 4/2009 đến nay:</i>	<i>Thành viên Ban kiểm soát, Kỹ thuật thi công - Công ty cổ phần LILAMA 69-2</i>

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

1.3 Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, ...

1.4 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo

cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

1.5 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả Các thành viên trong hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;
- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy chế điều lệ của công ty;
- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

1.6 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 (ngày 16/04/2009) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

Thù lao một tháng của Chủ tịch HĐQT 3 lần, thành viên HĐQT 2 lần, Trưởng ban kiểm soát 2 lần, thành viên Ban kiểm soát 1,5 so với mức lương tối thiểu nhà nước quy định.

STT	Thành phần	Số tiền/năm
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	25.320.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	67.520.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	16.880.000
4	Thành viên Ban kiểm soát (02 người)	12.660.000
	Tổng	122.380.000

1.7 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 15/03 /2010		Số cổ phần sở hữu tại ngày 24/01/2011	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch HĐQT	320.000	7,14	480.000	10,71
2	Vũ Thị Nga	Thành viên HĐQT	50.000	1,12	60.000	1,34
3	Trần Xuân Trường	Thành viên HĐQT	32.940	0,74	99.410	22,2
4	Lê Cao Bằng	Thành viên HĐQT	60.000	1,34	40.000	0,89
5	Nguyễn Sơn Hùng	Thành viên HĐQT	23.550	0,53	35.325	0,79

1.8 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu, chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

* Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (mua)	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (bán)	Số cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch
1	Nguyễn Hữu Thanh	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	160.000		480.000
2	Vũ Thị Nga	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	10.000		60.000
3	Trần Xuân Trường	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	66.470		99.410
4	Lê Cao Bằng	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc		20.000	40.000
5	Nguyễn Giám Hiệu	Phó tổng giám đốc	1.925		62.975
6	Nguyễn Sơn Hùng	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	11.775		35.325
7	Nguyễn Hữu Hoá	Phó tổng giám đốc	20.000		60.000
8	Lê Thị Minh	Ban kiểm soát	1.100		3.400

9	Đỗ Trường Giang	Ban kiểm soát	1.000	1.000
---	------------------------	---------------	-------	-------

* Những người có liên quan đến HĐQT, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát :

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (bán)	Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (mua)	Số cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch
1	Nguyễn Thị Dung	Vợ phó tổng giám đốc	16.000		955
2	Nguyễn Văn Vinh	Chồng bà Lê Thị Minh Trong ban Kiểm Soát	2.000		500
3	Phạm Thị Thu Hằng	Vợ ông Trần Xuân Trường - Ủy viên HĐQT, P.Tổng GD	50.000		57.250
4	Vũ Thị Phụng	Vợ ông Nguyễn Hữu Thanh - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc C.ty		20.000	53.000

* Cổ đông lớn: Không có giao dịch.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1 Cơ cấu cổ đông

Tình hình cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Lilama 69-2 được tổng hợp theo danh sách cổ đông tại ngày 24/01/2011 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	2.257.635	22.576.350.000	50,38
2. Cổ đông đặc biệt	11	842.110	8.421.100.000	18,79
- Hội đồng quản trị	4	654.735	6.547.350.000	14,61
- Ban giám đốc	2	122.975	1.229.750.000	2,74
- Ban kiểm soát	3	4.400	44.000.000	0,10
- Kế toán trưởng	1	60.000	600.000.000	1,34
3. Cổ đông khác:	439	1.381.116	13.811.160.000	30,82
- Cá nhân trong nước	407	1.184.737	11.847.370.000	26,44
- Cá nhân nước ngoài	2	300	3.000.000	0,01
- Tổ chức trong nước	16	196.079	1.960.790.000	4,38
Tổng cộng	447	4.480.861	44.808.610.000	100,00

2.2 Cổ đông lớn

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0100106313	2.257.635	50,38
2	Nguyễn Hữu Thanh	26 Tân Viên - Thượng Lý - Hồng Bàng - Hải Phòng	012484039	480.000	10,71

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2
TỔNG GIÁM ĐỐC